

Số: 108/2020/QĐST-HNGĐ

H, ngày 24 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 134/2020/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị S, sinh năm 1995.

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ hiện nay: Thôn S, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Hồ Sỹ K, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị S và anh Hồ Sỹ K.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cho chị Trương Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Hồ Sỹ T, sinh ngày 18/12/2015 và Hồ Sỹ Anh Kh, sinh ngày 23/9/2017. Anh Hồ Sỹ K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho chị Trương Thị S mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), mỗi con chung mỗi tháng là 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tính từ tháng 01/2021 cho đến lúc 02 con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Anh Hồ Sỹ K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày

có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản: Chị Trương Thị S và anh Hồ Sỹ K không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung và nợ chung.

- Về án phí: Chị Trương Thị S thỏa thuận chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã H theo biên lai thu số 0006675 ngày 10/11/2020. Hoàn trả cho chị Trương Thị S số tiền tạm ứng án phí còn lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Hồ Sỹ K phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã H;
- CCTHADS thị xã H;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Duy Tuấn